

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2024/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn¹.

¹Thông tư số 07/2024/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.² Thông tư này quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm: yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn; dấu định lượng; công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 1.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng đóng gói sẵn là: Thuốc chữa bệnh; hàng hóa được ưu đãi, miễn trừ thủ tục hải quan; hàng tạm nhập tái xuất; hàng quá cảnh, chuyển khẩu; hàng gửi kho ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; vật tư thiết bị máy móc nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư; hàng hóa thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia; hàng hóa phục vụ các yêu cầu khẩn cấp; hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân (sau đây viết tắt là cơ sở) sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán hàng đóng gói sẵn.
2. Cơ quan nhà nước về đo lường và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Theo đề nghị của Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia."

Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ."

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. *Hàng đóng gói sẵn* là hàng hóa được định lượng theo đơn vị đo khối lượng, thể tích, diện tích, chiều dài hoặc số đếm, được đóng gói và ghi định lượng trên nhãn hàng hóa mà không có sự chứng kiến của bên mua.

2. *Hàng đóng gói sẵn nhóm 1* là hàng đóng gói sẵn không thuộc Danh mục quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. *Hàng đóng gói sẵn nhóm 2* là hàng đóng gói sẵn có số lượng lớn lưu thông trên thị trường hoặc có giá trị lớn, có khả năng gây tranh chấp, khiếu kiện về đo lường giữa các bên trong mua bán, thanh toán, gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, môi trường thuộc Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

4. *Đơn vị hàng đóng gói sẵn hoặc bao hàng đóng gói sẵn* là tập hợp gồm bao bì và lượng hàng hóa chứa trong bao bì.

5. *Bao bì* là vật liệu để bao gói phía ngoài hàng đóng gói sẵn trừ những thứ thuộc về bản chất của hàng hóa.

6. *Lượng thực (Q_r)* là lượng hàng đóng gói sẵn chứa trong bao bì và được xác định bằng phương tiện đo phù hợp quy định.

7. *Đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp* là đơn vị hàng đóng gói sẵn có lượng thực (Q_r) nhỏ hơn lượng tối thiểu cho phép (Q_{min}).

8. *Lượng tối thiểu cho phép (Q_{min})* là hiệu số giữa lượng danh định (Q_n) và lượng thiếu cho phép (T).

$$Q_{min} = Q_n - T$$

Trong đó, *lượng thiếu cho phép (T)* được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

9. *Lượng danh định (Q_n)* là lượng của hàng đóng gói sẵn được ghi trên nhãn hàng hóa.

10. *Giá trị trung bình (X_{tb}) của lượng của hàng đóng gói sẵn* là giá trị quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.

11. *Lô hàng đóng gói sẵn (gọi tắt là lô)* là tập hợp các đơn vị hàng đóng gói sẵn giống nhau được sản xuất (bao gồm một hoặc các hoạt động sản xuất, sang bao hoặc chai, đóng gói), nhập khẩu, lưu thông, buôn bán với cùng một lượng danh định, dưới những điều kiện như nhau mà từ đó hàng đóng gói sẵn được lấy ra để tiến hành đánh giá sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

12. *Cỡ lô (N)* là con số chỉ tổng số đơn vị hàng đóng gói sẵn trong lô và được xác định theo các yêu cầu sau đây:

a) Tại nơi sản xuất, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn được sản xuất trong một giờ;

b) Tại nơi nhập khẩu; cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn theo từng đợt nhập hàng;

c) Tại nơi lưu thông, buôn bán, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn trên phương tiện vận chuyển, tại nơi chứa, tại nơi bán;

d) Cỡ lô không quá một trăm nghìn (100 000).

13. *Cỡ mẫu (n)* là con số chỉ số đơn vị hàng đóng gói sẵn phải lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô để đánh giá.

14. *Số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp* là con số chỉ số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp yêu cầu quy định và được xác định khi đánh giá lô hàng đóng gói sẵn.

15. *Dung môi* là chất lỏng, chất khí được chứa cùng với hàng đóng gói sẵn và được bỏ đi sau khi sử dụng hàng đóng gói sẵn đó.

16. *Lượng ráo nước* là lượng thực của hàng đóng gói sẵn trong dung môi lỏng.

17. *Cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn* là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc các hoạt động sản xuất, sang bao hoặc chai, đóng gói tại Việt Nam.

18. *Cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn* là tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu hàng đóng gói sẵn.

19. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Điều 3 Luật Đo lường.

Chương II

YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG ĐỐI VỚI LƯỢNG CỦA HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN, DANH MỤC HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN NHÓM 2

Điều 4. Yêu cầu kỹ thuật đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

1. Yêu cầu về ghi lượng của hàng đóng gói sẵn trên nhãn hàng hóa

a) Lượng của hàng đóng gói sẵn được ghi trên nhãn hàng hóa là lượng danh định;

b) Lượng danh định (Q_n) của hàng đóng gói sẵn phải được ghi bằng cách in, gấn hoặc dán trực tiếp trên hàng đóng gói sẵn hoặc trên bao bì hoặc nhãn của hàng đóng gói sẵn;

c) Vị trí ghi lượng danh định phải dễ thấy, dễ đọc trong điều kiện trung

bày thông thường của hoạt động buôn bán;

d) Trường hợp phía trước của lượng danh định (Q_n) ghi “khối lượng tịnh:” hoặc “thể tích thực:” thì không được phép ghi “khoảng” hoặc “nhỏ nhất” như: khối lượng tịnh khoảng hoặc thể tích thực nhỏ nhất;

đ) Lượng danh định (Q_n) được ghi bằng trị số và đơn vị đo pháp định hoặc theo số đếm; giữa trị số và đơn vị đo phải cách nhau một (01) ô trống;

e) Ghi lượng danh định (Q_n) của hàng đóng gói sẵn theo đơn vị đo khối lượng hoặc thể tích được thực hiện như sau:

- Đối với hàng đóng gói sẵn là chất rắn, khí hóa lỏng, hàng đông lạnh, hàng đóng gói sẵn dạng bình phun, xịt (aerosols) hoặc có hàng hóa chứa cùng khí nén: Ghi theo đơn vị đo khối lượng;

- Đối với hàng hóa là chất lỏng: ghi theo đơn vị đo thể tích;

- Đối với hàng hóa ở dạng sệt hoặc hàng hóa khác: ghi theo đơn vị đo khối lượng hoặc thể tích;

g) Ghi đơn vị đo theo từng phạm vi của lượng danh định (Q_n) được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Chiều cao tối thiểu của chữ và số thể hiện lượng danh định (Q_n) phải đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Khi một (01) đơn vị hàng đóng gói sẵn chứa hai (02) hay nhiều bao, gói hàng đóng gói sẵn cùng loại với cùng lượng danh định có thể dùng để bán lẻ, phải ghi tổng lượng danh định của đơn vị hàng đóng gói sẵn, số lượng bao, gói và lượng danh định của một (01) bao, gói hàng đóng gói sẵn.

Ví dụ: Một (01) hộp cà phê chứa 10 gói, mỗi gói có khối lượng là 20 g, ghi lượng danh định của hộp cà phê như sau:

200 g (10 gói x 20 g)

k) Khi một (01) đơn vị hàng đóng gói sẵn chứa hai (02) hay nhiều bao, gói hàng đóng gói sẵn không cùng loại, phải ghi tên, số lượng bao hoặc gói và lượng danh định của từng loại hàng đóng gói riêng lẻ.

Ví dụ: Một (01) túi xi đánh giày chứa: hai (02) hộp xi đen, mỗi hộp có khối lượng 15 g; một (01) hộp xi nâu có khối lượng 25 g; một (01) hộp xi trắng có khối lượng 15 g, ghi lượng danh định của túi xi đánh giày nêu trên như sau:

Xi đen: 2 hộp x 15 g; xi nâu: 1 hộp x 25 g; xi trắng: 1 hộp x 15 g.

Tổng số: 4 hộp (70 g).

1) Đối với hàng đóng gói sẵn chứa trong dung môi, phải ghi lượng ráo nước và ghi khối lượng tổng trên nhãn hàng hóa.

2. Yêu cầu về hình dáng, kích thước và các yêu cầu khác của bao hàng đóng gói sẵn

a) Bao hàng đóng gói sẵn không được có hình dáng, kích thước và các cấu trúc khác (như đáy phụ, vách ngăn, nắp phụ, tấm phủ phụ) gây nhầm lẫn hoặc lừa dối người mua về lượng của hàng đóng gói sẵn chứa trong bao hàng;

b) Hàng đóng gói sẵn phải điền đầy thể tích của bao bì trừ trường hợp phải có sự khác biệt giữa thể tích của bao bì với thể tích của hàng đóng gói sẵn chứa trong bao bì đó do một hoặc các nguyên nhân sau đây:

- Để bảo vệ hàng đóng gói sẵn;
- Do yêu cầu vận hành của thiết bị được dùng để bao gói hàng đóng gói sẵn;
- Do yêu cầu của việc vận chuyển hàng đóng gói sẵn;
- Do bản chất của hàng đóng gói sẵn (bao hàng đóng gói sẵn dạng bình xịt, có chứa khí nén...).

c) Trường hợp lượng của hàng đóng gói sẵn được ghi tại nhiều vị trí trên bao hàng thì tại từng vị trí việc ghi lượng của hàng đóng gói sẵn phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1 Điều này;

d) Thông tin về lượng hàng đóng gói sẵn bổ sung thêm hoặc miễn phí phải được ghi rõ cùng với lượng danh định (Q_n) trên nhãn, trừ trường hợp cơ sở sản xuất công bố rõ lượng bổ sung thêm hoặc miễn phí nêu trên đã bao gồm trong lượng danh định (Q_n) của hàng đóng gói sẵn.

Điều 5. Yêu cầu về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

1. Yêu cầu về giá trị trung bình X_{tb}

a) Trường hợp cỡ mẫu (n) bằng với cỡ lô (N) ($n=N$), giá trị trung bình (X_{tb}) của lượng thực (Q_r) của các đơn vị hàng đóng gói sẵn trong lô phải thỏa mãn yêu cầu theo biểu thức sau:

$$X_{tb} \geq Q_n$$

b) Trường hợp cỡ mẫu (n) nhỏ hơn cỡ lô (N) ($n < N$), giá trị trung bình (X_{tb}) phải thỏa mãn yêu cầu theo biểu thức sau:

$$X_{tb} \geq Q_n - k.s$$

Trong đó: s là độ lệch bình phương trung bình của lượng thực được tính theo công thức quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

k là hệ số hiệu chỉnh được chọn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Yêu cầu về số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp

a) Trường hợp cỡ mẫu (n) bằng với cỡ lô (N) ($n=N$), phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp không được vượt quá 2,5 % cỡ lô;

- Không được có bất kỳ đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp nào có lượng thiếu lớn hơn hai (02) lần lượng thiếu cho phép T quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp cỡ mẫu (n) nhỏ hơn cỡ lô (N) ($n < N$), phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp không được vượt quá giá trị cho phép quy định tại Bảng 1, Bảng 2 (đối với trường hợp lấy mẫu tại nơi sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán), tại Bảng 3 (đối với trường hợp lấy mẫu tại nơi nhập khẩu, lưu thông, buôn bán và cần phải phá bao bì của hàng đóng gói sẵn) của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

- Không được có bất kỳ đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp nào có lượng thiếu lớn hơn hai (02) lần lượng thiếu cho phép T quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6.³ (được bãi bỏ)

Chương III

DẤU ĐỊNH LƯỢNG

Điều 7. Dấu định lượng

1. Dấu định lượng là ký hiệu được sử dụng để thể hiện lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

2. Dấu định lượng là chữ **V**, kiểu chữ in hoa, chữ đứng và đậm, phong chữ “Times New Roman”. Chiều cao chữ lớn hơn hoặc bằng ba milimét (3 mm).

Điều 8. Sử dụng dấu định lượng

1. Hàng đóng gói sẵn nhóm 1 được mang dấu định lượng trên nhãn hàng hóa nếu đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 4 và Điều 5 và được cơ sở đáp ứng

³Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

yêu cầu quy định tương ứng tại Điều 10 hoặc Điều 11 tự công bố theo quy định tại Mục 2 Chương IV của Thông tư này.

2.⁴ (được bãi bỏ)

Điều 9. Thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

1. Dấu định lượng được thể hiện bằng cách in, gắn hoặc dán trực tiếp trên hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên hàng hóa ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

2. Dấu định lượng được thể hiện cùng màu với lượng danh định và đặt ở vị trí trước lượng danh định của hàng đóng gói sẵn. Giữa dấu định lượng và lượng danh định phải có một (01) ô trống.

Ví dụ: V 800 g hoặc V 500 ml.

Chương IV

CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG, CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG

Mục 1

YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG

Điều 10. Yêu cầu đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

b) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều này.

3. Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối

⁴Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 58/2025/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

với lượng của hàng đóng gói sẵn.

5.⁵ Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự đánh giá).

Điều 11. Yêu cầu đối với cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn

1.⁶ (được bãi bỏ).

2. Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

Mục 2

CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG

Điều 12. Trình tự, thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng

1. Cơ sở đáp ứng yêu cầu quy định tương ứng tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này lập hai (02) bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (sau đây viết tắt là bản công bố) (theo Mẫu 1. CBDĐL tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) nơi cơ sở đăng ký trụ sở chính.

2. Trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được bản công bố, nếu bản công bố chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo bằng văn bản cho cơ sở những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh.

Sau thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gửi thông báo, nếu cơ sở không bổ sung bản công bố đầy đủ, đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với bản công bố này.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận các bản công bố, nếu các bản công bố đầy đủ, đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào hai (02) bản công bố của cơ sở và gửi lại một (01) bản cho cơ sở đó.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 58/2025/TT-BKHCHN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

⁶Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 58/2025/TT-BKHCHN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng lập sổ theo dõi, quản lý tiếp nhận công bố.

Điều 13. Lưu giữ hồ sơ công bố

1. Cơ sở chịu trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ công bố tại cơ sở như sau:

a) Bản công bố có xác nhận và đóng dấu tiếp nhận của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Văn bản của người đứng đầu cơ sở quy định các biện pháp kiểm soát để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn;

c) Hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, hồ sơ kết quả thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường khác theo quy định.

2. Thời hạn lưu giữ: hai (02) năm sau khi hồ sơ bị thay thế hoặc bị hủy bỏ hoặc hết thời hạn có giá trị.

Điều 14. Điều chỉnh nội dung của bản công bố

1. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố đã được tiếp nhận hoặc trường hợp bản công bố đã được tiếp nhận bị thất lạc, hư hỏng và cơ sở có nhu cầu tiếp nhận lại, cơ sở thực hiện công bố lại theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Số thứ tự lần tiếp nhận trong bản công bố được đánh liên tục từ lần xác nhận và đóng dấu tiếp nhận đầu tiên đến các lần tiếp nhận công bố lại tiếp theo.

Điều 15. Hủy bỏ công bố

1. Hủy bỏ công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 25 của Thông tư này;

b) Cơ sở có văn bản thông báo hủy bỏ công bố gửi Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi cơ sở đăng ký hoạt động;

c) Cơ sở bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký và đóng dấu tiếp nhận vào bản thông báo hủy bỏ công bố, gửi lại cho cơ sở và ghi vào sổ theo dõi, quản lý tiếp nhận công bố.

Mục 3⁷ (được bãi bỏ)

⁷Mục này bao gồm các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 được bãi bỏ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 58/2025/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán hàng đóng gói sẵn

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn:

a) Duy trì các yêu cầu quy định tương ứng tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này;

b) Thông tin trung thực về lượng của hàng đóng gói sẵn;

c) Thông báo với khách hàng, người sử dụng về điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hàng đóng gói sẵn;

d) Bảo đảm lượng của hàng đóng gói sẵn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường theo quy định tại Thông tư này;

đ) Khi tiếp nhận thông báo của tổ chức, cá nhân khác hoặc tự phát hiện sự không phù hợp của hàng đóng gói sẵn do cơ sở sản xuất, nhập khẩu so với yêu cầu kỹ thuật đo lường, cơ sở tiến hành các biện pháp khắc phục đồng thời thông báo với các cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền về sự không phù hợp, biện pháp khắc phục và kết quả khắc phục sự không phù hợp;

e)⁸ (*được bãi bỏ*)

g) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan, người có thẩm quyền;

h)⁹ Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 01 hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (theo Mẫu 3.BCTH tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) gửi về Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tiếp nhận công bố.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lưu thông, buôn bán hàng đóng gói sẵn:

a) Thông tin trung thực về lượng của hàng đóng gói sẵn;

chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

⁸Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 58/2025/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

⁹Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 58/2025/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.



b) Thông báo với khách hàng, người sử dụng về điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hàng đóng gói sẵn;

c) Tiếp nhận kiến nghị của khách hàng về sự không phù hợp của hàng đóng gói sẵn so với yêu cầu kỹ thuật đo lường và thông báo kịp thời tới cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn đó;

d)¹⁰ Chỉ được lưu thông, buôn bán hàng đóng gói sẵn bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường;

đ) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia¹¹

1. ¹²(*được bãi bỏ*).

2. Ban hành hướng dẫn phương pháp, phương tiện đánh giá, trình tự đánh giá của đoàn đánh giá tại chỗ, văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam, phê duyệt chương trình đào tạo, tài liệu đào tạo và tổ chức đào tạo nghiệp vụ đánh giá về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

3. Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trong phạm vi trách nhiệm quy định của pháp luật về đo lường.

4. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn; thông tin, tuyên truyền các quy định của Thông tư này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5.¹³ Định kỳ hai (02) năm một (01) lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện kiểm tra việc tiếp nhận công bố sử dụng dấu định lượng của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

¹⁰Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

¹¹Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹²Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

¹³Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường và quy định tại Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.

2. Chỉ đạo thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đo lường trên địa bàn.

Điều 28. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tuyên truyền, phổ biến Thông tư này cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

2.¹⁴ Tiếp nhận và xác nhận vào bản công bố sử dụng dấu định lượng, lập và ghi chép vào sổ theo dõi, quản lý tiếp nhận công bố theo quy định tại Thông tư này.

3. Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đo lường.

4. Phối hợp thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.

5.¹⁵ Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổng hợp báo cáo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về kết quả hoạt động tiếp nhận công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn; tình hình và kết quả kiểm tra lượng của hàng đóng gói sẵn trên địa bàn.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH¹⁶**

¹⁴Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

¹⁵Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

¹⁶ Điều 78, Điều 79. Điều 80 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2014.

2. Bãi bỏ hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Quyết định số 02/2008/QĐ-BKHHCN ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy định về việc kiểm tra đo lường đối với hàng đóng gói sẵn theo định lượng”;

b) Quyết định số 07/2008/QĐ-BKHHCN ngày 8 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Danh mục hàng đóng gói sẵn phải quản lý nhà nước về đo lường”.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch¹⁷ Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia¹⁸ chịu

văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 78. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Điều 79. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung công việc đã giao cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện tại các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định từ Điều 1 đến Điều 77 của Thông tư này, thì được chuyển giao cho Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia để tiếp tục thực hiện.

Điều 80. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.”

Điều 20, Điều 21, Điều 22 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

Điều 22. *Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”*

¹⁷Cụm từ “Tổng cục trưởng” được thay thế bởi cụm từ “Chủ tịch” theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹⁸Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **05** /VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng





PHỤ LỤC II

CHIỀU CAO TỐI THIỂU CỦA CHỮ VÀ SỐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Lượng danh định (Q _n)	Chiều cao tối thiểu của chữ và số (mm)
<i>Theo đơn vị đo g (hoặc mL)</i>	
Đến 50	2
Trên 50 đến 200	3
Trên 200 đến 1000	4
<i>Theo đơn vị đo kg (hoặc L)</i>	
Trên 1	6
<i>Theo đơn vị đo chiều dài, diện tích, số đếm</i>	2





PHỤ LỤC III

CÔNG THỨC TÍNH s VÀ HỆ SỐ HIỆU CHÍNH k

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Công thức tính s

Độ lệch bình phương trung bình của lượng thực s được tính theo công thức sau:

$$s = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (Q_i - X_{ib})^2}{n-1}}$$

Với Q_i là lượng thực của đơn vị hàng đóng gói sẵn thứ i ($i = 1, 2, \dots, n$);

2. Hệ số hiệu chỉnh k

Hệ số hiệu chỉnh k được chọn tương ứng với cỡ lô (N), cỡ mẫu n , nơi lấy mẫu, đơn vị đo (khối lượng, thể tích, chiều dài, diện tích hoặc số đếm) và được xác định như sau:

+ Trường hợp lấy mẫu hàng đóng gói sẵn định lượng theo đơn vị đo khối lượng, thể tích tại nơi sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán, hệ số hiệu chỉnh k được chọn theo Bảng 1.

Bảng 1

Cỡ lô (N)	Cỡ mẫu (n)	Hệ số hiệu chỉnh (k)	Số lượng đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp cho phép (m)
Từ 1 đến 10	N	-	-
Từ 11 đến 50	10	1,028	0
Từ 51 đến 99	13	0,848	1
Từ 100 đến 500	50	0,379	3
Từ 501 đến 3 200	80	0,295	5
Trên 3 200	125	0,234	7

+ Trường hợp lấy mẫu hàng đóng gói sẵn định lượng theo đơn vị đo chiều dài, diện tích hoặc số đếm tại nơi sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán, hệ số hiệu chỉnh k được chọn theo Bảng 2.

Bảng 2

Cỡ lô (N)	Cỡ mẫu (n)	Hệ số hiệu chỉnh (k)	Số lượng đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp cho phép (m)
1 đến 25	N	-	-
26 đến 50	3	1,00	0
51 đến 150	5	0,35	0
151 đến 500	8	0,20	1

PHỤ LỤC IV

LƯỢNG THIỂU CHO PHÉP T

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lượng danh định (Q_n)	Lượng thiếu cho phép T	
		T ⁽¹⁾	
1	theo đơn vị đo khối lượng (hoặc thể tích) g (hoặc mL)	theo % của Q_n	theo g (hoặc mL)
	Lớn hơn 0 đến 5 ⁽²⁾	-	-
	Trên 5 đến 50	9	-
	Trên 50 đến 100	-	4,5
	Trên 100 đến 200	4,5	-
	Trên 200 đến 300	-	9
	Trên 300 đến 500	3	-
	Trên 500 đến 1 000	-	15
	Trên 1 000 đến 10 000	1,5	-
	Trên 10 000 đến 15 000	-	150
	Trên 15 000	1,0	-
	2	theo đơn vị đo chiều dài (m)	theo % của Q_n
$Q_n \leq 5$		Không cho phép có đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp	
$Q_n > 5$		2	
3	theo đơn vị đo diện tích (m ²)	theo % của Q_n	
	Tất cả Q_n	3	
4	theo số đếm (cái, chiếc...)	theo % của Q_n	
	$Q_n \leq 50$	Không cho phép có đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp	
	$Q_n > 50$	1 ⁽³⁾	

Ghi chú:

⁽¹⁾: Đối với mục 1 trong Bảng nêu trên, T được làm tròn lên đến phần mười tiếp theo của g (hoặc mL) đối với $Q_n \leq 1000$ g (hoặc 1000 mL) và đến hàng đơn vị tiếp theo của g (hoặc mL) đối với $Q_n > 1000$ g (hoặc 1000 mL);

⁽²⁾: Chỉ phải thỏa mãn yêu cầu về giá trị trung bình X_{tb} ;

⁽³⁾: T được làm tròn lên đến số nguyên tiếp theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG
TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN

Số:

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):
.....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu:
.....

CÔNG BỐ

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định (Q _n)	Khối lượng bao bì

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh đã tiếp nhận bản công bố. Lần tiếp nhận:
....., ngày ... tháng ... năm ...
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...
Người đứng đầu cơ sở sản xuất (nhập khẩu)
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Chi cục lưu 01 bản.